THỰC HIỆN QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

TRẦN NGỌC NGOẠN
NGUYỄN THỊ BÍCH NGUYỆT

Tóm tắt: Công nghiệp hóa, hiện đại hoá là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của quá trình phát triển. Quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hoá ở nước ta đã có những khởi sắc rõ rệt về kinh tế, đời sống nhân dân được nâng cao. Tuy nhiên, cùng với quá trình công nghiệp hóa, tài nguyên thiên nhiên đang bị khai thác ngày càng kiệt quệ, môi trường tự nhiên bị ô nhiễm nghiêm trọng. Bước vào thời kỳ đổi mới, qua các kỳ Đại hội, hệ thống quan điểm của Đảng, về bảo vệ môi trường luôn được bổ sung, hoàn thiện và phát triển. Các quan điểm, đường lối của Đảng về bảo vệ môi trường là cơ sở quan trọng để Nhà nước hoàn thiện pháp luật về môi trường, các chiến lược phát triển; những quan điểm đó đã trở thành hiện thực đời sống kinh tế - xã hội trong quá trình phát triển đất nước. Bài viết trình bày về quá trình phát triển các quan điểm của Đảng về bảo vệ môi trường, đồng thời đưa ra một số giải pháp để nâng cao việc thực hiện quan điểm của Đảng về bảo vệ môi trường trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Từ khóa: quan điểm của Đảng về môi trường, lãnh đạo công tác môi trường, bảo vệ môi trường, định hướng bảo vệ môi trường

IMPLEMENTING COMMUNIST PARTY OF VIETNAM'S VIEWPOINTS ON ENVIRONMENTAL PROTECTION DURING THE PROCESS OF INDUSTRIALIZATION AND MODERNIZATION OF THE COUNTRY

Abstract: Industrialization and modernization are among the most important tasks of the development process. The process of promoting industrialization and modernization in our country has achieve significant economic improvement with improving people's lives. However, along with the industrialization process, natural resources are being increasingly exploited and depleted, while natural environment is seriously polluted. Entering the Reform era, through congresses, Communist Party of Vietnam's environmental protection viewpoints have always been supplemented, completed and developed. Party's viewpoints and policies on environmental protection are an important basis for the State Government to complete environmental regulations and development strategies. These viewpoints have become a reality in socioeconomic life within the process of national development. This article presents the development process of Communist Party of Vietnam's viewpoints on environmental protection, at the same time, proposes a number of solutions to improve the implementation of Party's environmental protection viewpoints in the process of industrialization and modernization of the country.

Keywords: Communist Party of Vietnam's viewpoints on environment, governing environmental work, environmental protection, orientation on environmental protection

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Từ Đại hội toàn quốc lần thứ III (năm 1960), quan điểm về công nghiệp hóa ở nước ta được hình thành với nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ ở miền Bắc là công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nhằm chuyển đổi nền sản xuất và xã hội nước ta từ trình độ nông nghiệp lạc hậu lên trình độ công nghiệp. Đến Đại hội VI (năm 1986), Đảng tiến hành sự nghiệp đổi mới, với chính sách phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Việc chuyển nền kinh tế đã mang lại những kết quả tốt đẹp cho đời sống kinh tế xã hội, đất nước đã có những khởi sắc rõ rệt, đời sống nhân dân được nâng cao. Tuy nhiên, tài nguyên thiên nhiên của nước ta lại bị khai thác quá mức và có xu hướng cạn kiệt, môi trường tự nhiên bị ô nhiễm nghiêm trọng.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của môi trường, trong tiến trình công nghiệp hóa (CNH), Đảng luôn coi bảo vệ môi trường (BVMT) là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, song hành với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, việc triển khai, hiện thực hóa quan điểm, đường lối của Đảng thành hiện thực của đời sống kinh tế xã hội là cả một quá trình, khoảng cách không chỉ là về thời gian mà còn cả về nhận thức; từ quan điểm chuyển thành chính sách, pháp luật và là những thành tựu của sự phát triển. Do đó, để thực hiện quan điểm của Đảng về bảo vệ môi trường thì các quan điểm đó cần được thể chế hóa thành các chính sách, pháp luật để có thể triển khai thành các hoạt động cụ thể trong thực tiễn. Các quan điểm, đường lối của Đảng về bảo vệ môi trường là cơ sở quan trọng để Nhà nước hoàn thiện pháp luật về môi trường. Thể chế hóa đường lối, chủ trương và định hướng chính sách của Đảng có vai trò quan trọng hàng đầu trong định hướng mục tiêu, tạo khung pháp lý cho việc tổ chức vận hành xã hội, vận hành hoạt động của các tổ chức chính trị, đoàn thể trong xã hội hoạt động theo pháp luật và làm những công việc mà pháp luật cho phép [8]. Thực hiện các Nghị quyết của Đảng, công tác BVMT ở nước ta trong thời gian qua đã có những chuyển biến tích cực. Hệ thống chính sách, thể chế BVMT từng bước được xây dựng và hoàn thiện. Nhận thức về BVMT trong các cấp, các ngành và nhân dân đã được nâng lên; mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường đã từng bước được hạn chế; công tác bảo tồn thiên nhiên và bảo vệ đa dạng sinh học đã đạt được những tiến bộ rõ rệt. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, những khó khăn, thách thức ngày càng lớn, đặt ra áp lực không nhỏ về yêu cầu hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường, giữ gìn thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học. Biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh… ngày càng tác động mạnh, đe dọa nghiêm trọng đến sự phát triển ổn định, bền vững của đất nước. Với việc khẳng định quan điểm tăng trưởng kinh tế luôn gắn kết với BVMT trong từng chính sách phát triển; Đại hội XIII đã nhấn mạnh: "Lấy BVMT sống và sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường" [13; tr.117]. Thực hiện quan điểm của Đại hội XIII, các cơ quan Nhà nước từng bước xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về BVMT, điều tiết việc vận hành xã hội theo định hướng, mục tiêu BVMT đã đề ra.

Bài viết nghiên cứu việc thực hiện quan điểm của Đảng về BVMT trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nhằm khái quát quá trình phát triển các quan điểm của Đảng về BVMT qua các kỳ Đại hội; nghiên cứu phân tích quá trình thể chế hóa các quan điểm đó thành các chính sách, pháp luật về BVMT, đồng thời đề xuất khuyến nghị nâng cao việc thực hiện quan điểm của Đảng về bảo

vệ môi trường trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

2. CƠ SỞ DỮ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- *Cơ sở dữ liệu:* Bài báo chủ yếu sử dụng các tài liệu thứ cấp là các Văn kiện qua các kỳ Đại hội Đảng, các nghị quyết của Chính phủ về các Chương trình phát triển kinh tế - xã hội theo các kỳ Đại hội đảng, các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, các trang thông tin điện tử của Chính phủ, Quốc hội, Bộ TN&MT, Bộ NN&PTNT, Tổng cục Thống kê, các Tạp chí như Tạp chí Cộng sản, tạp chí Môi trường, tạp chí Con số và sự kiện… cung cấp các thông tin, dữ liệu cho bài viết.

- *Phương pháp nghiên cứu:* Với phương pháp nghiên cứu sưu tầm, tìm kiếm, thu nhập, tổng hợp và sử dụng các thông tin, dữ liệu có sẵn từ các nguồn dữ liệu… bài báo tiến hành tổng quan, phân tích một cách hệ thống các tài liệu thứ cấp có liên quan; hệ thống hóa các luận điểm, nguyên lý và lý luận liên quan các quan điểm của Đảng về BVMT qua các kỳ Đại hội; việc thể chế hóa thành các chính sách luật pháp của Nhà nước về BVMT… Trên cơ sở khái quát quá trình thể chế hóa và hiện thực hóa các quan điểm của Đảng về BVMT, bài viết gợi mở một số khuyến nghị thực tiễn.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Quá trình phát triển các quan điểm của Đảng về bảo vệ môi trường

Việt Nam chính thức bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, quan điểm về công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa bắt đầu được hình thành từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III (năm 1960). Đặc trưng chủ yếu của thời kỳ này là tiến hành công nghiệp hóa, trên cơ sở phát triển công nghiệp nặng, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển công nghiệp với nông nghiệp… Trong giai đoạn này các biến động xấu của thiên nhiên do sự huỷ hoại môi trường chưa thể hiện ở mức cao. Sự ô nhiễm do các hoạt động sản xuất công nghiệp, giao thông, xây dựng, làng nghề chưa đến mức báo động; phân bón, thuốc trừ sâu trong sản xuất nông nghiệp cũng được sử dụng ở mức hạn chế, các vấn đề môi trường chưa trở thành cấp bách, các chính sách môi trường chủ yếu đề cập đến vấn đề trồng rừng, bảo vệ rừng, phòng chống thiên tai, quản lý khai thác khoáng sản… các quan điểm, chính sách về bảo vệ môi trường, như: phòng chống ô nhiễm, kiểm soát suy thoái môi trường… hầu như chưa được đề cập cụ thể.

Bước vào thời kỳ đổi mới (sau năm 1986), việc chuyển nền kinh tế sang phát triển theo hướng kinh tế thị trường đã làm thay đổi nhiều lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội và đã mang lại những kết quả tốt đẹp. Tuy nhiên, quá trình công nghiệp hóa cũng là nguyên nhân của sự suy thoái môi trường; tình trạng chạy theo các lợi ích kinh tế, các nguồn tài nguyên bị khai thác bừa bãi. Quá trình đô thị hoá diễn ra khá nhanh chóng cùng với sự phát triển các phương tiện giao thông, trong sản xuất nông nghiệp là tình trạng sử dụng các hoá chất trừ sâu bệnh, các chất kích thích tăng trưởng không được kiểm soát... đã làm cho môi trường ngày càng bị ô nhiễm. Vì vậy, tại Đại hội lần thứ VI (năm 1986), Đảng khẳng định: *"*Tài nguyên của đất nước chưa được khai thác tốt, lại bị sử dụng lãng phí, nhất là đất nông nghiệp và tài nguyên rừng; môi trường sinh thái bị phá hoại" [12]. Tiếp đến Đại hội lần thứ VII xác định bảo vệ môi trường là bộ phận trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Đây là sự kiện quan trọng, có ý nghĩa lớn trong việc đánh giá vị trí của bảo vệ môi trường trong sự phát triển kinh tế - xã hội. Mặt khác nó cũng tạo điều kiện cho quá trình thể chế hoá việc bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng các chính sách kinh tế, xã hội cụ thể hoặc trong việc ban hành văn bản pháp luật [10].

Văn kiện Đại hội lần thứ VIII về mục tiêu định hướng các lĩnh vực chủ yếu đã nêu: "Đánh giá chính xác tài nguyên quốc gia, từ đó đề xuất một chiến lược đúng đắn về khai thác, sử dụng bảo vệ tài nguyên. Bảo đảm cơ sở khoa học và công nghệ cho việc khai thác, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường sinh thái. Áp dụng các công nghệ hiện đại trong việc kiểm soát, đánh giá và xử lý tác động môi trường. Ưu tiên các công nghệ sạch, tốn ít nguyên, nhiên liệu. Đề xuất các phương pháp khoa học và ứng dụng các phương tiện kỹ thuật để hạn chế hậu quả thiên tai" [12].

Xuất phát từ thực tiễn BVMT, ngày 25/6/1998, Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 36/1998/CT-TW về Tăng cường công tác BVMT trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đã khẳng định: "BVMT là một vấn đề sống còn của đất nước, của nhân loại; là nhiệm vụ có tính xã hội sâu sắc, gắn liền với cuộc đấu tranh xóa đói giảm nghèo ở mỗi nước, với cuộc đấu tranh vì hòa bình và tiến bộ xã hội trên phạm vi toàn thế giới" [1]. Với các mục tiêu là: *"*Ngăn ngừa ô nhiễm môi trường, phục hồi và cải thiện môi trường của những nơi, những vùng đã bị suy thoái, bảo tồn đa dạng sinh học, từng bước nâng cao chất lượng môi trường ở các khu công nghiệp, đô thị và nông thôn, góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, tiến hành thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước" [1]. Đồng thời, nêu lên những quan điểm cơ bản mang tính xuyên suốt là: "Bảo vệ môi trường là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân. Bảo vệ môi trường là một nội dung cơ bản không thể tách rời trong đường lối, chủ trương và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tất cả các cấp, các ngành, là cơ sở quan trọng bảo đảm phát triển bền vững, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Coi phòng ngừa và ngăn chặn ô nhiễm là nguyên tắc chủ đạo kết hợp với xử lý ô nhiễm, cải thiện môi trường và bảo tồn thiên nhiên. Kết hợp phát huy nội lực với tăng cường hợp tác quốc tế trong bảo vệ môi trường và phát triển bền vững" [1].

Tại Đại hội lần thứ IX (năm 2001), Đảng khẳng định: "Sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ và cải thiện môi trường tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học, coi đây là một nội dung quan trọng của chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường công tác quản lý ở tất cả các lĩnh vực, các vùng; thực hiện nghiêm Luật bảo vệ môi trường" [12].

Cụ thể hơn quan điểm của Đại hội lần thứ IX, Bộ Chính trị khóa IX ban hành Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15/11/2004 về Bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước: "BVMT là một trong những vấn đề sống còn của nhân loại; là nhân tố bảo đảm sức khỏe và chất lượng cuộc sống của nhân dân; góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị, an ninh quốc gia và thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta", "BVMT vừa là mục tiêu, vừa là một trong những nội dung cơ bản của phát triển bền vững" [12]. Để BVMT trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa cần ngăn ngừa, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường do hoạt động của con người và tác động của tự nhiên gây ra; sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học, phục hồi các hệ sinh thái đã bị suy thoái, từng bước nâng cao chất lượng môi trường.

Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ X tiếp tục khẳng định sự cần thiết của bảo vệ môi trường và cụ thể hóa một số lĩnh vực BVMT: "Bảo vệ và sử dụng có hiệu quả tài nguyên quốc gia, cải thiện môi trường tự nhiên; Tăng cường quản lý tài nguyên quốc gia, nhất là các tài nguyên đất, nước, khoáng sản và rừng. Ngăn chặn các hành

vi huỷ hoại và gây ô nhiễm môi trường, khắc phục tình trạng xuống cấp môi trường ở các lưu vực sông, đô thị, khu công nghiệp, làng nghề, nơi đông dân cư và có nhiều hoạt động kinh tế. Từng bước sử dụng công nghệ sạch, năng lượng sạch. Tích cực phục hồi môi trường và các hệ sinh thái bị phá huỷ. Tiếp tục phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, bảo vệ đa dạng sinh học. Quan tâm đầu tư cho lĩnh vực môi trường, nhất là các hoạt động thu gom, tái chế và xử lý chất thải. Hoàn chỉnh luật pháp, tăng cường quản lý nhà nước về bảo vệ và cải thiện môi trường tự nhiên" [12].

Tại Đại hội XI, Văn kiện Đại hội đã xác định các vấn đề trọng tâm của BVMT trong nhiệm kỳ là: "Bảo vệ môi trường là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, toàn xã hội và của mọi công dân. Kết hợp chặt chẽ giữa kiểm soát, ngăn ngừa, khắc phục ô nhiễm với khôi phục và bảo vệ môi trường sinh thái. Phát triển "năng lượng sạch", "sản xuất sạch", "tiêu dùng sạch". Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, dự báo và ứng phó với biến đổi khí hậu, các thảm hoạ thiên nhiên. Tăng cường quản lý, bảo vệ và sử dụng hợp lý, có hiệu quả tài nguyên quốc gia" [12]. Tại Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2013 Ban Chấp hành Trung ương về Chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và BVMT. Nghị quyết cho rằng: "việc ứng phó với biến đổi khí hậu còn bị động, lúng túng; thiên tai ngày càng bất thường, gây nhiều thiệt hại về người và tài sản… ảnh hưởng tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội, sức khỏe và đời sống nhân dân" [2] Vì vậy, Nghị quyết chỉ rõ: "Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và BVMT là những vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, có tầm ảnh hưởng lớn, quan hệ, tác động qua lại, cùng quyết định sự phát triển bền vững của đất nước; là cơ sở, tiền đề cho hoạch định đường lối, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và an sinh xã hội" [2].

Đại hội lần thứ XII, Nghị quyết Đại hội đã đề ra mục tiêu là "Khai thác, sử dụng và quản lý hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu" [12]. Trên cơ sở đánh giá thực trạng công tác quản lý tài nguyên và BVMT, Nghị quyết Đại hội đã đề ra phương hướng nhiệm vụ của nhiệm kỳ là: "Tăng cường công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu phục vụ phát triển bền vững theo hướng bảo đảm tính tổng thể, liên ngành, liên vùng, đáp ứng nhiệm vụ trước mắt và lâu dài, trong đó lợi ích lâu dài là cơ bản, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với từng giai đoạn" [12].

Tại Đại hội lần thứ XIII xác định các vấn đề môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu trong các mô hình phát triển: "Chủ động giám sát, ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu; phát triển kinh tế xanh, ít chất thải, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, các bon thấp; khuyến khích phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn để sử dụng tổng hợp và hiệu quả đầu ra của quá trình sản xuất" [13; tr275]; "Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng kinh tế, chuyển mạnh nền kinh tế sang mô hình tăng trưởng dựa trên năng suất, tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhân lực chất lượng cao, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế" [13; tr.120-121].

Điểm mới về BVMT trong bối cảnh hiện nay là: "Lấy BVMT sống và sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường" [13; tr.117]. Trong suốt chiều dài lịch sử lãnh đạo đất nước từ khi thành lập đến nay, Đảng cộng sản Việt Nam đã xác định rõ trong đường lối xây dựng và phát triển đất nước: Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường. Theo đó,

Quốc hội đã ban hành và nhiều lần sửa đổi luật, Chính phủ đã cụ thể hóa bằng nhiều cơ chế, chính sách, chiến lược cụ thể, thiết thực.

3.2. Thực tiễn triển khai các quan điểm của Đảng về bảo vệ môi trường

3.2.1. Thể chế hóa các quan điểm, đường lối của Đảng về bảo vệ môi trường

Những quan điểm, chủ trương mới của Đảng được thể chế hóa trong Luật BVMT tạo hành lang pháp lý triển khai thực hiện trong thực tế. Trong quá trình phát triển, các hoạt động BVMT ngày càng được người dân, cơ quan, tổ chức mà đặc biệt là Nhà nước quan tâm. Chính vì vậy, trong Hiến pháp và hệ thống pháp luật của nước ta đã từng bước hoàn thiện các chính sách BVMT.

Trước 1986 (trước đổi mới), trong giai đoạn này, mặc dù Nhà nước đã có những ý tưởng về việc bảo vệ môi trường song việc thể chế hoá các ý tưởng này chưa được toàn diện [12]. Hiến pháp năm 1980 đã bắt đầu ghi nhận các quy định về môi trường: Điều 36 quy định "Các cơ quan nhà nước, xí nghiệp, hợp tác xã, đơn vị vũ trang nhân dân và công dân đều có nghĩa vụ thực hiện chính sách bảo vệ cải tạo và tái sinh các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ cải tạo môi trường sống" [6]. Như vậy, ngay tại Hiến pháp 1980, đã rất coi trọng chính sách BVMT. Trách nhiệm bảo vệ, cải tạo và tái sinh các nguồn tài nguyên thiên nhiên cũng như bảo vệ và cải thiện môi trường sống được giao cho toàn bộ các cơ quan Nhà nước, xí nghiệp, hợp tác xã, đơn vị vũ trang nhân dân và công dân.

Sau năm 1986, BVMT đã trở thành các nội dung quan trọng trong hệ thống pháp luật được xây dựng, có thể kể đến Luật Đầu tư nước ngoài năm 1987, Bộ luật Hàng hải năm 1990. Đến Hiến pháp năm 1992 (được sửa đổi, bổ sung năm 2001) đã có những quy định mang tính nguyên tắc về bảo vệ môi trường. Điều 29 của Hiến pháp quy định: "Cơ quan Nhà nước, đơn vị vũ trang, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và mọi cá nhân phải thực hiện các quy định của Nhà nước về sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. Nghiêm cấm mọi hành động làm suy kiệt tài nguyên và hủy hoại môi trường" [7]. Hiện thực hoá Hiến pháp 1992, Luật bảo vệ môi trường năm 1993 được ban hành và được sửa đổi bổ sung ở các Luật BVMT 2005, 2014, 2020. Yêu cầu về BVMT không những được quy định trong Luật BVMT, mà còn được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật khác điều chỉnh các hoạt động của con người khi tác động vào thiên nhiên, ảnh hưởng đến môi trường sống, như: Luật Bảo vệ sức khoẻ nhân dân (1989), Pháp lệnh về Thu thuế tài nguyên (1989), Pháp lệnh Bảo vệ đê điều (1989), Pháp lệnh Bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản (1989), Luật Bảo vệ và phát triển rừng (1991), Luật Đất đai (năm 1993 và được sửa đổi, bổ sung vào các năm 1998, 2001), Luật Dầu khí (1993), Luật Khoáng sản (1996), Pháp lệnh An toàn và Kiểm soát bức xạ (1996), Luật Tài nguyên nước (1998), Pháp lệnh Thú y (1993), Pháp lệnh Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật (1993)...

Đến nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường (TN&MT) đã phối hợp với các bộ, ngành có liên quan thực hiện rà soát, thu thập và pháp triển đối với trên 200 văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc lĩnh vực BVMT. Có thể nói hệ thống pháp luật về môi trường ở nước ta đã phát triển cả nội dung và hình thức, điều chỉnh tương đối đầy đủ các thành tố tạo nên môi trường. Hệ thống các tiêu chuẩn của môi trường cũng đã được ban hành làm cơ sở cho việc kiểm soát, đánh giá tác động môi trường. Các văn bản pháp luật được ban hành bước đầu đã tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động quản lý nhà nước về BVMT, nâng cao nhận thức của cơ quan nhà nước, tổ chức, công dân đối với vấn đề môi trường [10].

Cùng với xu hướng hội nhập quốc tế của thế giới và khu vực, với tư cách là thành viên của

Liên hợp quốc và Chương trình môi trường Liên hợp quốc, trong thời gian qua, Việt Nam đã ký kết và đang thực hiện hơn 40 công ước quốc tế về bảo vệ môi trường. Việc thực hiện các cam kết quốc tế trong các công ước này một phần phản ánh xu thế tất yếu của nhân loại, một phần bảo vệ các lợi ích dân sinh và kinh tế của Việt Nam, nhằm hướng tới hiện thực hóa các nỗ lực về phát triển bền vững; đẩy mạnh hợp tác song phương và đa phương với các nước trong và ngoài khu vực về BVMT. Các cam kết này từng bước được thể chế hóa để đảm bảo thực thi đầy đủ, thể hiện trách nhiệm của Việt Nam trong nỗ lực chung của cộng đồng quốc tế về BVMT, đồng thời tranh thủ các cơ hội tăng cường năng lực công tác BVMT của đất nước.

3.2.2. Hiện thực hóa quan điểm của Đảng về bảo vệ môi trường trong thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã xác định nội dung cốt lõi của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa giai đoạn 2021 - 2030 là thúc đẩy quá trình chuyển đổi số và chuyển đổi xanh các ngành, lĩnh vực. Để hiện thực hóa đường lối chủ trương của Đảng về BVMT, Bộ TN&MT, các bộ ngành, các tổ chức chính trị xã hội, các địa phương từ Trung ương đến địa phương (phường, xã) đã triển khai thực hiện các chính sách của Đảng và Nhà nước về BVMT phù hợp với các vấn đề môi trường của ngành, địa phương mình.

Trước hết, triển khai các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức, thái độ và thay đổi hành vi của các cá nhân, tổ chức trong công tác bảo vệ môi trường. Hoạt động truyền thông đã trở thành một trong những giải pháp quan trọng truyền tải các chính sách của Đảng và Nhà nước về BVMT đến với người dân và đồng hành cùng quá trình thực hiện Chiến lược phát triển KT-XH. Trong thời gian qua ở các vùng miền, địa phương đã phát triển đa dạng các hình thức truyền thông, qua đó đã đóng góp tích cực vào việc nâng cao nhận thức, ý chức chấp hành pháp luật về BVMT cho cộng đồng dân cư, qua đó cũng giúp cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có những cơ chế, chính sách phù hợp và kịp thời đối với công tác BVMT, phát triển bền vững tại các địa phương.

Thứ hai, triển khai các chiến dịch vì môi trường: trước những thử thách trong công tác bảo vệ môi trường, các chiến dịch vì môi trường đã được triển khai rộng rãi bằng những hành động thiết thực, những việc làm có ích cho môi trường. Trong thời gian qua, Bộ TN&MT cùng các ngành, các địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội đã tổ chức nhiều chiến dịch BVMT, đồng thời hưởng ứng và tham gia tích cực trong các chiến dịch vì môi trường do các tổ chức môi trường quốc tế phát động, như: Chiến dịch "Làm cho thế giới sạch hơn", Chiến dịch "Giờ Trái đất", Chiến dịch "Vì môi trường, nói không với sản phẩm nhựa và túi nilon"...

Thứ ba, sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng từ "nâu" sang "xanh" là nội dung quan trọng để hiện thực hóa các quan điểm của Đảng về BVMT và phát triển bền vững. Đó là việc xác lập định hướng vận hành nền kinh tế trên cơ sở tối ưu hóa các nguồn lực của đất nước với một cơ cấu kinh tế hợp lý, hiệu quả, hiện đại, nhằm đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao theo hướng phát triển bền vững. Cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế phải là quá trình hiện thực hiệu quả ba trụ cột: kinh tế - xã hội - môi trường trong tất cả các ngành kinh tế, từ nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ (thương nghiệp, giao thông vận tải…); hướng tới sự phát triển kinh tế bền vững thông qua việc

thúc đẩy các mô hình kinh tế xanh, tuần hoàn, cácbon thấp và ảnh hưởng mạnh mẽ từ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

- *Trong lĩnh vực nông nghiệp:* Nhằm thúc đẩy tăng trưởng xanh trong lĩnh vực nông nghiệp, Chính phủ ban hành Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 về nông nghiệp hữu cơ; tiếp đó là đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020 - 2030 ngày 23/6/2020. Đặc biệt, chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030 được xây dựng trên quan điểm sản xuất nông nghiệp có trách nhiệm, hiện đại, hiệu quả và bền vững, hiện nay đã đạt được những thành công bước đầu. Thông qua các mô hình này đã giúp nông dân từng bước tiếp cận nông nghiệp hữu cơ, nhanh chóng chuyển đổi các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản để đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn nông nghiệp hữu cơ theo xu thế của Việt Nam và thế giới. Từ năm 2000 đến nay, diện tích nuôi trồng hữu cơ trên cả nước tăng nhanh; thu hút phần lớn các doanh nghiệp và nông dân ở các tỉnh thành cùng tham gia. Mặc dù đi sau so với nhiều quốc gia trên thế giới về các sản phẩm hữu cơ nhưng sự nỗ lực của nhiều doanh nghiệp cũng như nông dân, đã đưa Việt Nam vào danh sách 170 quốc gia tham gia sản xuất sản phẩm nông nghiệp hữu cơ. Đến nay, nhiều loại sản phẩm cây trồng hữu cơ đã chính thức đặt chân đến nhiều thị trường thế giới như Mỹ, Nhật Bản, Australia, Hàn Quốc… [9].

- *Trong lĩnh vực công nghiệp:* Phát triển công nghiệp xanh, tham gia các hoạt động sản xuất sạch hơn được coi là một giải pháp toàn diện không chỉ giải quyết vấn đề môi trường, giảm chất thải và lãng phí tài nguyên, mà còn thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tăng cường cạnh tranh. Phát triển công nghiệp xanh là hành động nhằm hướng đến mục tiêu Net zero cácbon, thông qua việc triển khai các hoạt động nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm tiêu thụ năng lượng, phát triển không gian xanh của các khu công nghiệp.

- *Phát triển năng lượng tái tạo:* điện năng - trụ cột chính của quá trình chuyển đổi đạt Net zero. Việt Nam đã có những bước phát triển tích cực trong sử dụng năng lượng tái tạo, bao gồm điện mặt trời, gió, thủy điện và sinh khối. Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ và khuyến khích phát triển năng lượng tái tạo. Các chính sách này bao gồm miễn thuế nhập khẩu thiết bị năng lượng tái tạo, giá mua điện cao điểm và các chương trình khuyến mãi khác nhằm thu hút đầu tư trong ngành này. Bên cạnh đó, Chính phủ Việt Nam đã đặt mục tiêu tăng tỷ lệ năng lượng tái tạo trong cấu trúc nguồn điện lên 7% vào năm 2020 và 10% vào năm 2030. Điều này tạo động lực cho sự phát triển và đầu tư vào năng lượng tái tạo. Đặc biệt, Việt Nam đã thu hút sự quan tâm và đầu tư từ các nhà đầu tư trong và ngoài nước trong lĩnh vực năng lượng tái tạo. Với môi trường kinh doanh thuận lợi, Việt Nam trở thành điểm đến hấp dẫn cho các dự án năng lượng tái tạo. Từ năm 2011 đến nay, các chương trình, mục tiêu quốc gia về quản lý năng lượng tiết kiệm và hiệu quả được triển khai. Hiện tỷ trọng năng lượng tái tạo vận hành chiếm gần 27% tổng công suất lắp đặt toàn hệ thống. Ngoài ra phát triển xanh đang là xu hướng trong nhiều lĩnh vực của nền kinh tế nước ta như xây dựng và giao thông… và bước đầu đã đạt được những kết quả tích cực.

- *Xu hướng tiêu dùng xanh:* là một nội dung trong Chiến lược tăng trưởng xanh giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2050, được triển khai ở nhiều địa phương trên cả nước, bước đầu đạt những kết quả tốt, thu hút lượng lớn người dân tham gia. Xu hướng tiêu dùng xanh kéo theo sự nở rộ của các chuỗi cửa hàng thực phẩm sạch nhằm đáp ứng nhu cầu mua sản phẩm sạch, rõ nguồn gốc của người dân. Đồng thời

tiêu dùng xanh thúc đẩy quá trình tái chế các chất thải, từ việc thu gom, phân loại cho tới sản xuất và phát triển thị trường sử dụng các sản phẩm tái chế, vì thế không chỉ làm người tiêu dùng tiết kiệm được kinh phí mà còn góp phần BVMT. Đồng thời, phát triển mua sắm xanh sẽ kích thích tăng số lượng và chất lượng các sản phẩm và dịch vụ thân thiện môi trường.

- *Trong ứng phó với BĐKH*, Việt Nam được xác định là một trong số những quốc gia trên thế giới chịu ảnh hưởng nghiêm trọng nhất của biến đổi khí hậu. Chủ động ứng phó với BĐKH là vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, quyết định sự phát triển bền vững của đất nước. Để thích ứng với BĐKH, Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, ngành và địa phương cùng vào cuộc với quyết tâm cao nhất để thực hiện lộ trình chuyển đổi từ mô hình phát triển ít phát thải có sức chống chịu cao. Các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương đã nỗ lực triển khai thực hiện hệ thống các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ứng phó với BĐKH; thực hiện có hiệu quả công cụ kinh tế trong bảo vệ môi trường, đổi mới căn bản về nhận thức và tư duy trong hoạch định chính sách phát triển theo hướng kinh tế dựa vào hệ sinh thái, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Trong đó tập trung ngăn chặn nạn phá rừng, tích cực trồng và chăm sóc rừng, phát triển các mô hình sản xuất bền vững, sử dụng các giống cây trồng vật nuôi có khả năng chống chịu cao, xây dựng các mô hình nhà tránh lũ, tham gia bảo hiểm sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp…

Trong thực hiện Chiến lược phát triển KT-XH giai đoạn 2011-2020, công tác BVMT, ứng phó với BĐKH đã được chú trọng. Các chỉ số về môi trường có sự chuyển biến: tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom xử lý tăng trung bình 6%/năm; tỷ lệ thu gom xử lý chất thải rắn công nghiệp đạt 90%; tỷ lệ tro xỉ được tái sử dụng đạt trên 50%. Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường là 228 cơ sở, đạt 89%, trong đó có 121 khu công nghiệp đầu tư lắp đặt thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục [11].

3.3. Những tồn tại trong thực hiện quan điểm của Đảng về bảo vệ môi trường

(1) Hệ thống pháp luật bảo vệ môi trường còn chưa hoàn thiện

Cho đến nay các chủ trương, chính sách của Đảng về BVMT đã được thể chế hóa trong hệ thống pháp luật về môi trường, đã phát triển cả nội dung và hình thức, điều chỉnh tương đối đầy đủ các thành tố tạo nên môi trường. Các văn bản pháp luật được ban hành đã tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động quản lý nhà nước về BVMT. Tuy nhiên, nhìn vào tổng thể các quy định của pháp luật về BVMT còn nhiều bất cập và hạn chế trước yêu cầu của phát triển bền vững. Các quan điểm chậm được thể chế hóa thành các luật và các văn bản dưới luật… Việc thể chế hóa có lúc, có lĩnh vực vừa chưa đồng bộ, chưa bao quát, chưa bảo đảm tính hệ thống và toàn diện; chưa cụ thể, sát thực và thiếu tính khả thi. Chưa có sự gắn kết chặt chẽ, hữu cơ giữa các quy định về phát triển kinh tế với các quy định về BVMT. Yếu tố môi trường chưa thực sự được coi trọng và tính đến nhiều trong quá trình xây dựng và ban hành luật bởi những đòi hỏi bức xúc về phát triển kinh tế. Những công cụ kinh tế nhằm BVMT chưa thể hiện được vai trò điều tiết cho công tác BVMT. Tình trạng chồng chéo, mâu thuẫn, xung đột giữa các văn bản luật và các văn bản dưới luật. Thực trạng này dẫn đến nhiều khó khăn cho việc thực hiện pháp luật của người dân, doanh nghiệp và thi hành pháp luật của các cơ quan nhà nước… Những quy định về biện pháp xử lý vi phạm giữa các văn bản pháp luật về môi trường còn có những khoảng trống nên không có

biện pháp xử lý thích hợp đối với chủ thể vi phạm. Các quy định về bồi thường thiệt hại của người có hành vi gây ô nhiễm môi trường đã được đề cập nhưng các quy định này chỉ dừng lại ở mức độ chung chung.

(2) Chưa nhận thức đầy đủ về bảo vệ môi trường

Nhận thức, trách nhiệm của một số cấp ủy, tổ chức đảng các cấp chưa làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục cho người dân và doanh nghiệp nâng cao ý thức BVMT; thấy lợi ích trước mắt về kinh tế mà chưa tính đến việc bảo đảm phát triển bền vững trong mỗi một chủ trương, dự án. Người đứng đầu chính quyền các cấp ở một số địa phương buông lỏng lãnh đạo, quản lý, thiếu sâu sát kiểm tra, đánh giá việc thực hiện công tác BVMT.

(3) Năng lực thực thi công tác BVMT còn hạn chế

Nguồn nhân lực về BVMT còn chưa tương xứng, thiếu về số lượng, yếu về chất lượng, chưa đáp ứng được các yêu cầu đặt ra, nhất là ở địa phương, cơ sở. Trong công tác triển khai trên thực tế, theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, UBND cấp xã có 08 nhóm nhiệm vụ liên quan đến BVMT, tuy nhiên, công việc này được giao cho một công chức địa chính - xây dựng - môi trường, nhiệm vụ nhiều, nhân lực ít đã ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả công tác quản lý… là thách thức trong công tác quản lý BVMT.

Nguồn lực đầu tư cho công tác BVMT thấp không đáp ứng được yêu cầu, việc huy động các nguồn lực trong xã hội còn nhiều khó khăn; nguyên tắc "người gây ô nhiễm phải trả chi phí xử lý, khắc phục, cải tạo môi trường" chưa được áp dụng triệt để. Năng lực dự báo, đánh giá tình hình và xử lý vi phạm đối với tập thể, cá nhân vi phạm đến môi trường chưa thật quyết liệt, mạnh mẽ, còn nể nang, né tránh, bao che, dung túng, tiếp tay cho sai phạm [4].

3.4. Một số giải pháp thực hiện quan điểm của Đảng trong bảo vệ môi trường

3.4.1. Tăng cường thực hiện thể chế hóa đường lối, chủ trương và định hướng chính sách của Đảng trong BVMT

Một là, tiếp tục thể chế hóa các quan điểm, mục tiêu BVMT đã đề ra, nâng cao chất lượng xây dựng, hoàn thiện thể chế, hệ thống chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, kết hợp với đẩy mạnh nâng cao năng lực quản trị môi trường. Đẩy mạnh công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, cung cấp các luận cứ khoa học, lý luận cho việc hoạch định, phát triển chính sách, pháp luật về BVMT.

Hai là, hoàn thiện đồng bộ pháp luật về phát triển bền vững theo nội hàm mở rộng đã được đề cập trong Văn kiện Đại hội XIII, với các trụ cột kinh tế, xã hội, môi trường, chính trị, văn hóa, quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Nghiên cứu, hoàn thiện thể chế về mô hình phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, thể chế hóa các quan điểm của Đảng trong các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia. Tăng cường các hoạt động hợp tác quốc tế, khu vực về BVMT theo đường lối đối ngoại của Đảng.

Ba là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước trong quá trình thể chế hóa đường lối, chủ trương và định hướng chính sách của Đảng trong bảo vệ môi trường. Sự lãnh đạo của Đảng là yếu tố quyết định chất lượng, bảo đảm cho hệ thống pháp luật, chính sách của Nhà nước được chính xác, kịp thời đường lối, chủ trương của Đảng trong công tác BVMT. Tiếp tục thể chế hóa phương thức lãnh đạo của Đảng, trong đó, tập trung rà soát, bổ sung, điều chỉnh, ban hành mới, xây dựng đồng bộ hệ thống các quy chế, quy định, quy trình về việc tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác BVMT [9].

Bốn là, phát huy tính sáng tạo của các cơ quan nhà nước địa phương có thẩm quyền trong thể chế hóa đường lối, chủ trương và định hướng chính sách của Đảng phù hợp với điều kiện của từng địa phương. Quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong soạn thảo, tham gia soạn thảo các văn bản pháp luật để bảo đảm thể chế hóa kịp thời, chính xác đường lối, chủ trương của Đảng, cũng như bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật, chính sách [8].

3.4.2. Tăng cường hiện thực hóa đường lối, chủ trương và định hướng chính sách của Đảng trong BVMT

(1) Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền: Đây là giải pháp quan trọng hàng đầu chi phối và quyết định việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lí của nhà nước đối với công tác BVMT đạt kết quả tốt. Bởi vì, chỉ khi có nhận thức đúng đắn, sâu sắc về vấn đề này, thì các cấp trong Đảng, Nhà nước và nhân dân mới có thể có hành động đúng, đem lại hiệu quả trong BVMT. Do vậy, cần tiếp tục nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của các chủ thể trong công tác BVMT, cụ thể là các cấp ủy, chính quyền nhận thức được tầm quan trọng của bảo vệ môi trường sinh thái, xây dựng ý thức BVMT, giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và BVMT theo chủ trương của Đảng.

(2) Lãnh đạo, chỉ đạo công tác quản lý nhà nước về BVMT: Tăng cường nguồn nhân lực và năng lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường các cấp: Ưu tiên đầu tư phát triển nguồn nhân lực đủ mạnh và tăng cường năng lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường từ Trung ương đến địa phương đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng quản lý cho đội ngũ cán bộ quản lý môi trường các cấp.

Tăng cường kiểm tra, giám sát, thanh tra và xử lý các tổ chức đảng, cán bộ nhà nước, đảng viên, cá nhân và tập thể vi phạm về BVMT: xử lý nghiêm những vụ việc tiêu cực, tham nhũng, lãng phí trong thực hiện chủ trương của Đảng về BVMT. Thông qua công tác này, Đảng nắm được hoạt động của các tổ chức đảng, đảng viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước, MTTQ, và các đoàn thể chính trị - xã hội, trong các đơn vị kinh tế, doanh nghiệp vi phạm về BVMT.

(3) Tăng cường công tác truyền thông về các quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về BVMT: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về vấn đề BVMT nhằm góp phần nâng cao nhận thức và xây dựng ý thức tự giác cho mỗi chủ thể xã hội tham gia và chấp hành đúng các quy định về BVMT, hướng dẫn kiểm tra việc chấp hành pháp luật về BVMT đối với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và mọi công dân. Thông qua hình thức vận động, tuyên truyền giáo dục, để xây dựng mô hình tiên tiến, điển hình phù hợp với từng địa bàn, đồng thời xây dựng lực lượng nòng cốt đế phát huy tính tích cực, tự giác của nhân dân vào công tác BVMT.

4. KẾT LUẬN

Trong quá trình lãnh đạo, một hệ thống các quan điểm về bảo vệ môi trường của Đảng ta đã thể hiện sự nhất quán, xuyên suốt. Các nhiệm kỳ Đại hội Đảng thường xuyên tổng kết, bổ sung, hoàn thiện các quan điểm về bảo vệ môi trường cho phù hợp với từng bối cảnh phát triển đất nước và thời đại. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự nghiệp BVMT trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng. Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo công tác BVMT là toàn bộ hoạt động từ xây dựng, ban

hành các nghị quyết, chỉ thị về tài nguyên và môi trường; quán triệt, tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát việc thực hiện của các tổ chức Đảng và đảng viên, các tổ chức trong hệ thống chính trị, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế và nhân dân theo quy định làm cho môi trường trong lành, cân bằng, bền vững.

Để đưa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về BVMT đi vào cuộc sống, cần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp trong Đảng, Nhà nước và nhân dân đối với công tác bảo vệ môi trường. Tiếp tục thể chế hóa quan điểm, mục tiêu, nội dung BVMT theo các quan điểm chỉ đạo của Đảng. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, quản lí nhà nước đối với các tổ chức chính trị - xã hội, các hiệp hội trong gắn kết tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998). *Chỉ thị 36-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa IX) về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.*
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013). *Nghị quyết 24-NQ/TW ngày 03/6.2013 của Ban Chấp hành Trung ương về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường*.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004). *Nghị quyết 41-NQ/TW ngày 15 tháng 11 năm 2004 của Bộ Chính trị về BVMT trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước.*
4. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2022). *Nhận diện thách thức và định hướng bảo vệ môi trường*. Tài liệu Hội nghị môi trường toàn quốc lần thứ V, năm 2022.
5. Hệ thống các quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực bảo ...Cổng thông tin điện tử pháp điển; https://phapdien.moj.gov.vn › Pages › nghien-cuu-trao-doi.
6. Hiến pháp năm 1980, Điều 36.
7. Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001). Truy cập từ Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp. Truy cập từ https://moj.gov.vn › vbpq › lists › view_detail.
8. Mai Việt Bách (2020). *Thể chế hóa đường lối, chủ trương và định hướng chính sách của Đảng trong nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng hiện nay*. Truy cập từ https://www.tapchicongsan.org.vn › guest › nghien-cu09:26, ngày 25-12-2020.
9. Lê Nguyễn (2021). *Những mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ trong thực tế*. Truy cập từ https://dangcongsan.vn › Kinh tế; 6 thg 8, 2021.
10. Lê Minh Trường (2021). *Phân tích lịch sử hình thành và phát triển của luật môi trường Việt Nam hiện nay*; truy cập từ https://luatminhkhue.vn › ... › 2 thg 9, 2021.
11. Tài nguyên và môi trường (2020). *Công tác quản lý, bảo vệ môi trường đã có những chuyển biến mạnh mẽ,* truy cập từ http://cspl-tnmt.monre.gov.vn/tin-tuc/tin-tuc-su-kien/cong-tac-quan-ly-bao-ve-moi-truong-da-co-nhung-chuyen-bien-m.html
12. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI; VII, VIII, IX, X, XI, XII Truy cập từ https://tulieuvankien.dangcongsan.vn › lan-thu-… › bao...; 24 thg 2, 2017.
13. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, T.1, tr.117, tr.120-121, tr.123, tr.214, tr.275, tr 276.

Thông tin tác giả:
Trần Ngọc Ngoạn, Nguyễn Thị Bích Nguyệt - Viện Địa lý nhân văn.
Địa chỉ liên hệ: 176 Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội.
Email: ngoantrandlnv@yahoo.com; Điện thoại: 0913 3237204

Nhật ký tòa soạn
Ngày nhận bài: 13/05/2024
Biên tập: 06/2024